

TOÀ ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 04/7/2017

“V/v Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vàng”

NHÂN DANH

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Vinh

- Các Hôi thâm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Hiền

+ Ông Lê Văn Lộc

- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Ông **Khuất Duy Toàn** - Cán bộ Toà án nhân dân quân Liên Chiểu.

1. - Đại diện VKSND quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** – Kiểm sát viên.

Các ngày 21/6 đến 04/7/2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Liên Chiểu mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 128/2012/TLST- DS ngày 10 tháng 12 năm 2012 về việc “ *Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền, vàng* ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐST – DS ngày 15/5/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2017/QĐST – DS ngày 25/5/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị D**, sinh năm 1960. Địa chỉ: Số 95 đường N, phường H, quận L, thành phố Đ.

- *Bị đơn*: Bà **Trương Phan Thị T**, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ 37, phường H, quận L, thành phố Đ (hiện đang chấp hành án tại Trại giam Bình Điền, tỉnh Thừa Thiên - Huế).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Bùi Văn Q** – Sinh năm: 1966 và bà **Nguyễn Thị Cẩm V** – Sinh năm: 1966.
Địa chỉ: Tổ 31, phường X, quận T, TP Đ.

- Bà **Hà Thi H.** Địa chỉ: Tổ 44, phường H, quận L, TP Đ.

- Ông **Trương Văn H** - Sinh năm: 1945 và bà **Phan Thị T** - Sinh năm: 1948. Địa chỉ: Tổ 02, thôn B, xã Q, huyện H, tỉnh Q.

Nội dung vụ án:

- Nguyên đơn – bà Phan Thị D trình bày:

Ngày 13/01/2010, bà Trương Phan Thị T có vay của bà Dung số tiền 100.000.000 đồng, không lập văn bản thỏa thuận, chỉ cho vay bằng miệng. Ngày 24/5/2010, bà Trương Phan Thị T tiếp tục vay của bà D thêm 60.000.000 đồng và 13 cây vàng (2 cây vàng SJC và 11 cây vàng 9 tuổi 6). Hai bên thỏa thuận 2 tháng sau sẽ hoàn trả lại cho bà D. Bà D đã nhiều lần yêu cầu bà T trả tiền và vàng đã vay nhưng bà T vẫn không chịu trả. Đến ngày 31/5/2012, bà T trả được 5 chỉ vàng SJC và đến ngày 24/6/2012, bà T tiếp tục trả thêm 2 chỉ vàng SJC.

Từ khi bà T bị bắt cho đến nay, bà T không tiếp tục trả cho bà D nữa. Vì vậy, bà D khởi kiện bà T, yêu cầu bà T phải trả cho D tổng số tiền và số vàng còn nợ như sau:

Số tiền: 160.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi: 61.500.000 đồng.

Số tiền được quy đổi từ 12 cây 3 vàng: 523.750.000 đồng.

Tổng cộng: 745.250.000 đồng.

Để làm tin số tiền và vàng đã vay, bà T có giao cho bà D giữ một số giấy tờ như sau: - Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên ông Đinh Văn V và bà Hà Thị H.

- Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Văn Q, bà Nguyễn Thị Cẩm V; Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/12/2010 giữa ông Q, bà V với bà T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trương Văn H.

*** Bị đơn – bà Trương Phan Thị T trình bày:** Vào năm 2010, bà T có vay nhiều lần của bà D số tiền 160.000.000 đồng và 13 cây vàng (2 cây vàng SJC, 11 cây vàng 96). Hai bên thỏa thuận sau hai tháng, kể từ ngày tháng 3/2012 sẽ trả. Sau đó, có trả bớt số nợ vay, có lập văn bản. Tuy nhiên, do đang chấp hành án và sự việc cũng đã quá lâu, bà T không nhớ cụ thể số tiền bà T còn nợ bà D. Ngoài ra, bà T còn khai rằng, bản chất số tiền và vàng nhận từ bà D là bà D góp vốn vào Công ty nhưng việc góp vốn cũng như chia lãi chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản.

Về phần lãi, hai bên thỏa thuận vay với lãi suất 3%/tháng. Bà T xác định có trả tiền lãi nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh đã trả được tiền lãi.

Để làm tin cho việc vay tiền, vàng, bà T có giao cho bà D bản chính các tài liệu sau: - Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên ông Đinh Văn V và bà Hà Thị H.

- Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Văn Q, bà Nguyễn Thị Cẩm V; Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13/12/2010 giữa ông Q, bà V với bà T.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Trương Văn H.

Giữa bà T và bà D không lập văn bản thể hiện việc thế chấp này, việc bà D giữ các tài liệu trên chỉ mang tính chất làm tin. Vì vậy, bà T không đồng ý cho bà D xử lý tài sản này.

Bà T xác định còn nợ bà D 160.000.000 đồng và 13 cây vàng. Bà T xin bà D giảm bớt số tiền, vàng gốc và không phải trả số tiền lãi.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ông Trương Văn H và bà Phan Thị T1: Vợ chồng ông H, bà T1 là cha mẹ ruột của bà Trương Phan Thị T. Năm 2010, bà T có mượn Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H373579 đứng tên chủ hộ ông Trương Văn H do UBND huyện H, tỉnh Q cấp năm 1996. Do tin tưởng trong gia đình nên vợ chồng ông H đã giao bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho bà T. Việc bà T dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố, thế chấp, vợ chồng ông H hoàn toàn không biết. Do vậy, vợ chồng ông H yêu cầu các bên liên quan trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này lại cho vợ chồng ông H.

- Bà Hà Thị H: Bà H không biết việc vay mượn tiền giữa bà T và bà D. Bà T thế chấp bản chính Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 240, tờ bản đồ số 17 tại phường H, quận L, Tp Đ, bà H hoàn toàn không biết nên không có trách nhiệm gì trong việc vay mượn này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Bùi Văn Q, bà Nguyễn Thị Cẩm V: Vào khoảng năm 2013, vợ chồng ông Q bà V có vay của bà T số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 18%/tháng, cụ thể khi vay 60.000.000 đồng, vợ chồng ông Q chỉ nhận được 40.000.000 đồng tiền mặt, còn lãi 20.000.000 đồng là tiền lãi phải trả trước. Vợ chồng ông Q có thế chấp cho bà T một bộ hồ sơ ba lá gồm: Đơn xin chuyển nhượng quyền sử dụng đất và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Vợ chồng ông Q có ký văn bản ủy quyền cho bà T trong vòng 2 tháng, kể từ ngày ký, có công chứng tại Văn phòng công chứng Ngọc Yến. Hiện nay, vợ chồng ông Q đã trả gần hết nợ, chỉ còn nợ 3 – 5 triệu đồng. Nay đã hết thời hạn ủy quyền. Việc bà T dùng các giấy tờ này để làm tin cho bà D, vợ chồng ông Q không biết nên không đồng ý cho bà D xử lý lô đất nói trên.

Nhận định của Tòa án:

Sau khi xem xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng: Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hà Thị H, ông Trương Văn H, bà Phan Thị T1 đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 1 điều 227 BLTTDS tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nói trên.

- Về nội dung: Giữa bà Trương Phan Thị T và bà Phan Thị D có quan hệ vay tài sản với nhau, bà D đã cho bà T vay với số tiền 160.000.000 đồng và có thỏa thuận về lãi. Đồng thời, bà D có cho bà T mượn thêm 13 cây vàng, trong có 02 cây vàng SJC và 11 cây vàng 9 tuổi 6. Điều này đã được bà D, bà T thừa nhận trong quá trình giải quyết vụ án. Bà T cho rằng, số tiền và vàng mà bà D giao cho bà T là tiền, vàng bà D góp vốn vào Công ty Đ nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho điều này và ý kiến này của bà T không được bà D thừa nhận. Do đó, HĐXX có đủ cơ sở để kết luận: Giao dịch giữa bà T và bà D là hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận lãi và có kỳ hạn được quy định tại khoản 2 Điều 478 BLDS năm 2005, không phải là quan hệ góp vốn như bà T trình bày.

Bà T đã thừa nhận bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: Bà T xác nhận còn nợ của bà D 160.000.000 đồng và 13 cây vàng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà D xác định, bà T đã trả được cho bà 7 chỉ vàng SJC. Do đó, HĐXX kết luận: Bà T còn nợ của bà D với số tiền gốc: 160.000.000 đồng và 12,3 cây vàng, trong có 1 cây 3 vàng SJC, 11 cây vàng 9 tuổi 6, quy đổi ra tiền tại thời điểm xét xử: 414.668.000 đồng là có cơ sở. Do đó, bà D yêu cầu bà T phải trả cho bà D số tiền 160.000.000 đồng và 414.668.000 đồng (tiền được quy đổi từ vàng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bà D thay đổi yêu cầu về tiền lãi, cụ thể bà D chỉ yêu cầu bà T phải trả tiền lãi trên số nợ gốc 160.000.000 đồng từ khi bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ (Tháng 4/2012) cho đến ngày xét xử là 46.400.000 đồng. HĐXX xét thấy việc giảm yêu cầu tiền lãi của bà D là tự nguyện và mức lãi bà D yêu cầu bà T phải trả không trái quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Đối với các giấy tờ, bà T đã giao cho bà D để làm tin. Giữa bà T và bà D không lập văn bản, không thực hiện việc công chứng, đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật. Đồng thời, bà D cũng không có chức năng cầm cố, thế chấp theo quy định pháp luật nên HĐXX không xem xét. Những chủ sở hữu hợp pháp của những văn bản mà bà Thảo giao bà D dùng để làm tin có quyền khởi kiện một vụ án dân sự khác.

Bị đơn có lỗi trong việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 28.428.720 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện VKSND quận Liên Chiểu phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Về tố tụng: Đối với người tiến hành tố tụng và HĐXX chấp hành đúng theo các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 BLTTDS; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

- Áp dụng điều 355, điều 474 Bộ luật dân sự;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị D đối với bà Trương Phan Thị T.

1. Buộc bà Trương Phan Thị T phải trả cho bà Phan Thị D số tiền 621.068.000 đồng, trong đó: Nợ gốc: 160.000.000 đồng, 414.668.000 đồng (tiền quy từ vàng) và nợ lãi: 46.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Phan Thị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Trương Phan Thị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như trên thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi trên số nợ gốc theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, 468 BLDS tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Phan Thị T phải chịu 28. 842.720 đồng. Hoàn trả lại cho bà Phan Thị D số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 14.906.000

đồng theo biên lai thu tiền số 006946 ngày 10/12/2012 của Chi cục thi hành án dân sự quận Liên Chiểu.

Bà Phan Thị D, ông Bùi Văn Q, bà Nguyễn Thị Cẩm V có mặt tại phiên toà biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt thì có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ thời điểm bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục T.H.A DS quận Liên Chiểu;
- Lưu.

Trần Hữu Vinh